

Bản án số: **872/2018/KDTM-PT**

Ngày: 28/9/2018

V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà.

Các Thẩm phán: Ông Ngô Văn Dũng

Bà Hà Thanh Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Phượng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Tôn Mạnh Hùng – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 28/9/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2018/TLPT-KDTM ngày 16/08/2018 về tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

Do Bản án sơ thẩm số 632/2018/KDTM-ST ngày 19/6/2018 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4033/2018/QĐ-PT ngày 07/9/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Lê T

Địa chỉ: Đường P, Phường T, Thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Địa chỉ liên lạc: Đường H, phường T1, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Quách Thái L; Giấy ủy quyền số công chứng 016572 ngày 30/9/2017 tại Văn phòng Công chứng Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh ; Địa chỉ: Đường T2, Phường MT, Quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Công ty TNHH G.

Trụ sở: Đường Q, Phường T, Quận B2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành C; Chức danh: Giám đốc

Địa chỉ: Đường Q1, phường BB, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người kháng cáo: Ông Quách Thái L là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - Ông Nguyễn Lê T có đơn kháng cáo đề ngày 02/7/2018.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

- Đơn khởi kiện ngày 18/8/2017 của Ông Nguyễn Lê T, và trình bày của người đại diện theo ủy quyền Ông Quách Thái L:

Ngày 17/5/2017 giữa Ông Nguyễn Lê T và Công ty TNHH G ký Hợp đồng số 20170515.BTS-G xây dựng phần mềm website có tổng giá trị 15.000.000 đồng. Ông T đã trả trước 7.500.000 đồng nhưng Công ty TNHH G không thực hiện công việc đúng như yêu cầu tại hợp đồng. Đến ngày 20/7/2017 là sẽ hết thời hạn nhưng Công ty hứa hẹn nhiều lần với nhiều lý do chưa hoàn thành, cũng không có bằng chứng là sẽ tạo ra sản phẩm. Do vậy ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy hợp đồng xây dựng phần mềm website số 20170515.BTS-G ngày 17/5/2017, đính kèm phụ lục 1 và phụ lục 2;

- Buộc Công ty G trả lại cho ông T 7.500.000 đồng ứng trước.

Ông T xác nhận tài khoản của ông số 04001010878753 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần H – Chi nhánh MSB Thành phố Hồ Chí Minh có nhận được 7.500.000 đồng nhưng không biết của ai, lý do chuyển nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn Công ty TNHH G có người đại diện theo pháp luật Ông Nguyễn Thành C trình bày:

Công ty TNHH G với Ông Nguyễn Lê T có ký Hợp đồng xây dựng phần mềm website số 20170515.BTS-G ngày 17/5/2017 với tổng giá trị hợp đồng là 15.000.000 đồng, ông T đã trả trước 7.500.000 đồng. Công ty có thời gian thực hiện công việc là 50 ngày (không bao gồm ngày nghỉ), đã chạy thử nghiệm ngày 21/6/2017, chính thức ngày 04/7/2017 (mới hết 37 ngày) và có nhận chỉnh sửa từ ông T. Do ông T có lời lẽ không đồng tình nên Công ty đã thông báo hoàn trả tiền, chấm dứt hợp đồng thì ông T đòi bồi thường. Theo hợp đồng ông T đã tiếp nhận chạy thử nghiệm Website thì Công ty TNHH G không hoàn phí. Tuy nhiên bà Nguyễn Thị Thanh X- vợ của Ông Nguyễn Thành C đã chuyển vào tài khoản của ông T tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần H số tiền là 7.500.000 đồng. Công ty TNHH G đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn về việc đề nghị hủy hợp đồng xây dựng phần mềm website số 20170515.BTS-G ngày 17/5/2017.

Ngày 28/3/2018, Ông Nguyễn Thành C người đại diện theo pháp luật Công ty TNHH G có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại Bản án sơ thẩm số 632/2018/KDTM-ST ngày 19/6/2018 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuyên xử :

1. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc Công ty TNHH G thanh toán số tiền 7.500.000 đồng.

2. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn về yêu cầu hủy Hợp đồng xây dựng phần mềm website số 20170515.BTS-G ngày 17/5/2017, đính kèm phụ lục 1 và phụ lục 2.

3. Án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm 3.000.000 đồng Ông Nguyễn Lê T phải chịu. Ông Nguyễn Lê T đã tạm nộp 1.500.000 đồng theo biên lai số AA/2017/0019386 ngày 02/10/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3. Ông Nguyễn Lê T còn phải nộp 1.500.000 đồng án phí sơ thẩm.

Về kháng cáo: Ngày 02/7/2018, Ông Quách Thái L- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ông Nguyễn Lê T có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền 7.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng xét xử vắng mặt:

Ngày 14/9/2018, Ông Nguyễn Thành C là đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH G có đơn xin xét xử vắng mặt. Ngày 28/9/2018 Ông Quách Thái L đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ông Nguyễn Lê T có đơn xin xét xử vắng mặt. Phiên tòa tiến hành vắng mặt các đương sự theo khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung kháng cáo của nguyên đơn:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả 7.500.000 đồng:

Ông Nguyễn Lê T và Công ty TNHH G có ký kết và thực hiện Hợp đồng số 20170515.BTS-G ngày 17/5/2017 cung cấp dịch vụ xây dựng phần mềm website. Trong quá trình thực hiện hợp đồng do hai bên có mâu thuẫn nên đã thống nhất hủy bỏ hợp đồng và bị đơn hoàn trả lại tiền cho nguyên đơn. Phần của bản án sơ thẩm ghi nhận sự thỏa thuận của hai bên về việc hủy hợp đồng không có kháng cáo, kháng nghị không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm.

Về số tiền 7.500.000 đồng: Căn cứ Lệnh chuyển có qua CITAD ngày 28/11/2017 của Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam và xác nhận của Công ty TNHH G về việc có nhận của ông T số tiền 7.500.000 đồng vào tài khoản thanh toán đợt 1 theo hợp đồng.

Căn cứ Giấy nộp tiền mặt ngày 02/02/2018 của Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam, nội dung: Số tài khoản số 04001010878753, tên tài khoản Nguyễn Lê T, người nộp tiền Nguyễn Thị Thanh X, số tiền 7.500.000 đồng. Ngày 13/03/2018 bà Xuân có xác nhận số tiền trên là của Công ty TNHH G do chồng bà là Ông Nguyễn Thành C có nhờ bà chuyển trả cho ông T theo Hợp đồng số 20170515.BTS-G ngày 17/5/2017.

Kết quả xác minh của Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam tại Công văn số 01/2018/CV-MSB LLQ ngày 15/6/2018: Ngày 02/02/2018 bà Nguyễn Thị Thanh X có nộp tiền mặt 7.500.000 đồng vào tài khoản số 04001010878753 của Ông Nguyễn Lê T, giao dịch trên đã thành công. Ông Nguyễn Lê T không có thông báo hoặc khiếu nại về việc nhận 7.500.000 đồng từ bà Nguyễn Thị Thanh X đã nộp vào tài khoản của ông T.

Căn cứ xác nhận của Ông Nguyễn Lê T, về việc ông là chủ tài khoản số 04001010878753 mở tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam và có số tiền 7.500.000 đồng đã được chuyển vào tài khoản trên của ông. Bà Nguyễn Thị Thanh X người chuyển số tiền vào tài khoản trên của ông T xác nhận là tiền của Công ty TNHH G chuyển trả cho ông T theo Hợp đồng số 20170515.BTS-G ngày 17/5/2017. Xác nhận của bà Xuân phù hợp với xác minh của Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam nơi ông T có nhận số tiền trong tài khoản. Nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh về việc đã nhận số tiền 7.500.000 đồng nêu trên cho một giao dịch khác không phải với bị đơn.

Nguyên đơn đã nhận 7.500.000 đồng do bị đơn hoàn trả nên không được bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu về phần này là đúng. Kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu xét xử phúc thẩm để buộc bị đơn hoàn trả số tiền 7.500.000 đồng là không có căn cứ, không được chấp nhận, nên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Cấp sơ thẩm cần thiết rút kinh nghiệm thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng là không đúng quy định.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Những phần khác của bản án không có kháng cáo kháng nghị, có hiệu lực pháp luật.

Nguyên đơn kháng cáo không được chấp nhận, phải chịu toàn bộ án phí phúc thẩm 2.000.000 đồng, khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, nên còn phải nộp tiếp 1.700.000 đồng.

Vì lẽ trên,

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Luật thương mại, Luật Phí và lệ phí; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của Ông Quách Thái L - Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ông Nguyễn Lê T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa Ông Nguyễn Lê T và Công ty TNHH G về yêu cầu hủy Hợp đồng xây dựng phần mềm website số 20170515.BTS-G ngày 17/5/2017, đính kèm phụ lục 1 và phụ lục 2.

2. Không chấp nhận yêu cầu của Ông Nguyễn Lê T buộc Công ty TNHH G thanh toán số tiền 7.500.000 đồng.

3. Án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm 3.000.000 đồng Ông Nguyễn Lê T phải chịu. Ông Nguyễn Lê T đã tạm nộp 1.500.000 đồng theo biên lai số AA/2017/0019386 ngày 02/10/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3. Ông Nguyễn Lê T còn phải nộp 1.500.000 đồng án phí sơ thẩm.

4. Án phí phúc thẩm: 2.000.000 (hai triệu) đồng Ông Nguyễn Lê T phải chịu, được khấu trừ vào tạm ứng 300.000 đồng theo theo Biên lai thu số AA/2017/0020993 ngày 04/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, nên còn phải nộp tiếp là 1.700.000 đồng.

Việc thi hành án được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Bản án này có hiệu lực pháp luật ngay.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 3;
- Chi cục THADS Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hà